

PHẦN 2. ĐỊA LÍ DÂN CƯ
TIẾT 13-14. BÀI 6. DÂN SỐ VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm dân số.
- Phân tích các thế mạnh và hạn chế về dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.
- Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số, liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương.
- Vẽ được biểu đồ về dân số.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam.
- Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố dân cư nước ta.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được các đặc điểm dân số và phân bố dân cư của nước ta. Tác động của những đặc điểm đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí:
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.
 - > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản; biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; vẽ biểu đồ...
 - > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...liên quan đến đặc điểm dân số và phân bố dân cư.

- + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
- + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta.
- + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về đặc điểm dân số nước ta.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra.

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu và cho HS chơi “Ong tìm chữ”, HS theo dõi và trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

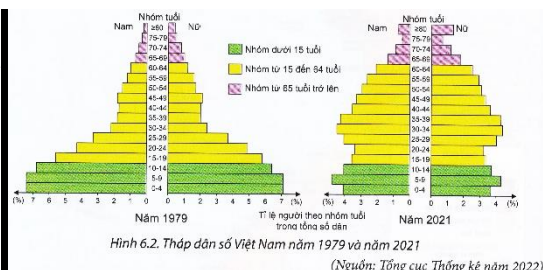
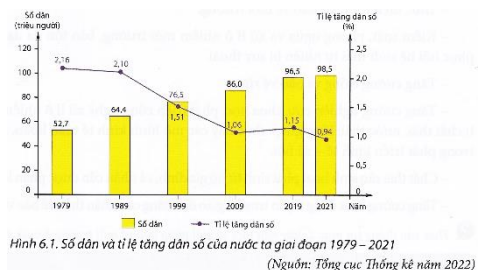
Mở đầu: Dân số là nhân tố quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân số Việt Nam có đặc điểm gì và những đặc điểm này có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm dân số

a) **Mục tiêu:** HS trình bày được đặc điểm dân số.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm	Đặc điểm	Biểu hiện	Thế mạnh và hạn chế
1,4	Quy mô và gia tăng dân số		
2,5	Cơ cấu dân số	- Theo giới tính:	
		- Theo tuổi:	
		- Theo dân tộc:	
		- Theo trình độ học vấn:	
3,6	Phân bố dân cư		

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ	
Đặc điểm	Biểu hiện
1. Quy mô và gia tăng dân số	- Quy mô dân số lớn: 98,5 triệu người, đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, thứ 8 ở châu Á và thứ 15 trên thế giới (2021). - Có hàng triệu người Việt Nam định cư ở nước ngoài. - Quy mô dân số tiếp tục tăng lên nhưng có xu hướng tăng chậm lại, tỉ lệ tăng dân số giảm dần.
2. Cơ cấu dân số	- Theo giới tính: + Khá cân bằng: tỉ lệ nam, nữ trong tổng dân số là 49,84% và 50,16%. + Có tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh: 112 bé trai/100 bé gái (2021).
	- Theo tuổi: + Biến đổi nhanh theo hướng giảm tỉ lệ nhóm trẻ em, tăng tỉ lệ nhóm cao tuổi. + Có cơ cấu dân số vàng nhưng cũng đã bước vào thời kì già hoá dân số.
	- Theo dân tộc: + Có 54 dân tộc cùng sinh sống, trong đó chiếm tỉ lệ lớn nhất là dân tộc Kinh (trên 85%). + Các dân tộc sinh sống đan xen nhau.

	+ Các dân tộc có truyền thống đoàn kết, cùng nhau bảo vệ và xây dựng đất nước. - Theo trình độ học vấn: + Đang được nâng cao dần. + Có sự khác biệt đáng kể giữa thành thị với nông thôn và giữa các vùng.
3. Phân bố dân cư	- Mật độ dân số TB: 297 người/km² (năm 2021); 343 người/km² (7/2025) - Có sự chênh lệch giữa các vùng: + Vùng có MĐDS cao nhất: ĐBSH (1110 người/km² - năm 2025). + Vùng có MĐDS thấp nhất: Trung du và miền núi Bắc Bộ (146 người/km² - năm 2025). - Không đều giữa nông thôn với thành thị (2021): + Tỷ lệ dân nông thôn: 62,9%. + Tỷ lệ dân thành thị: 37,1%.

EM CÓ BIẾT?

Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, số dân nước ta tiếp tục tăng chậm và đạt quy mô lớn nhất là 117 triệu người vào năm 2066, sau đó sẽ giảm dần.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu thế mạnh và hạn chế về dân số

a) Mục tiêu: HS phân tích được các thế mạnh, hạn chế về dân số của nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích các thế mạnh và hạn chế về dân số của nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. THẾ MẠNH VÀ HẠN CHẾ VỀ DÂN SỐ	
1. Thế mạnh	2. Hạn chế
- Là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước. - Quy mô DS lớn $\Rightarrow$ thị trường tiêu thụ lớn. - Người VN ở nước ngoài $\Rightarrow$ nguồn lực quan trọng cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.	- Quy mô DS lớn, tăng lên hằng năm $\Rightarrow$ gây sức ép về an ninh lương thực, năng lượng; đảm bảo việc làm, giáo dục, y tế; sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường,... - Số lượng và tỷ lệ người cao tuổi ngày càng lớn $\Rightarrow$ đòi hỏi tăng chi phí cho an sinh xã hội, dịch vụ y tế,....

- Quy mô DS lớn, cơ cấu DS vàng $\Rightarrow$ nguồn lao động dồi dào. - Mức sinh thấp, DS tăng chậm $\Rightarrow$ thuận lợi nâng cao chất lượng DS và chất lượng cuộc sống dân cư.	- Phân bố dân cư chênh lệch lớn $\Rightarrow$ khó khăn trong khai thác tài nguyên, sử dụng hợp lý nguồn lao động.
---	--

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu chiến lược dân số của Việt Nam.

a) Mục tiêu: HS nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số ở nước ta, liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành yêu cầu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm 1,3: Chiến lược	Nhóm 2,4: Giải pháp

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ CỦA VIỆT NAM

1. Mục tiêu của chiến lược

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng.

- Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số, đặc biệt là những dân tộc thiểu số rất ít người.

- Đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý.

- Nâng cao chất lượng dân số.

- Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2. Giải pháp

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số.

- Đẩy mạnh giáo dục, truyền thông về dân số và phát triển.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ nâng cao chất lượng dân số.

- Bảo đảm đủ nguồn lực cho công tác dân số.

- Tăng cường hợp tác khu vực, quốc tế trong lĩnh vực dân số.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Dựa vào hình 6.1, hãy nhận xét và giải thích sự biến động số dân và tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1979 - 2021.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

Nhìn chung số dân và tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1979 – 2021 đều có sự biến động, cụ thể:

- Số dân có biến động tăng đều qua các năm, từ 52,7 triệu dân năm 1979 lên 98,5 triệu dân năm 2021.

- Tỉ lệ tăng dân số có biến động xu hướng giảm: từ 2,16% năm 1979 giảm xuống chỉ còn 0,94% năm 2021.

Như vậy có thể thấy quy mô dân số Việt Nam tiếp tục tăng lên nhưng xu hướng đang tăng chậm lại, tỉ lệ tăng dân số giảm dần qua các năm do mức sinh giảm, dân số đang bước vào thời kỳ già hóa.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Tìm hiểu, viết báo cáo ngắn về đặc điểm dân số (quy mô, cơ cấu, phân bố dân cư) ở địa phương em.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

- Giới thiệu khái quát về địa phương em: tên gọi, lịch sử, vị trí địa lý, diện tích, tình hình dân số,....

- Viết báo cáo:

+ Quy mô dân số:

- > Tình hình, đặc điểm...
- > Ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội..
- + Cơ cấu dân số;
- > Tình hình, đặc điểm: cơ cấu theo giới, theo tuổi, theo lao động, theo trình độ...
- > Ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội...
- + Phân bố dân cư:
- > Tình hình, đặc điểm: Mật độ trung bình, nơi có mật độ cao, nơi có mật độ thấp...
- > Ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 7. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Ngày soạn: 18/10/2025

TIẾT 15. BÀI 7. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Đã bỏ ý: cơ cấu sd lao động theo thành thị và nông thôn

- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế.

- Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta.
- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.
- Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm.
- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bảng số liệu, biểu đồ để phân tích được đặc điểm lao động và việc làm nước ta.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được các đặc điểm lao động và việc làm nước ta. Tác động của những đặc điểm đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...
> Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.
> Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản; biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; vẽ biểu đồ...

> Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...liên quan đến đặc điểm lao động và việc làm.

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm lao động và việc làm nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm lao động và việc làm ở nước ta.

3. Phẩm chất:

- **Yêu nước:** Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về những thế mạnh của nguồn lao động nước ta.
- **Nhân ái:** Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp và năng lực lao động của mỗi người.
- **Chăm chỉ:** Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- **Trung thực** trong học tập.
- **Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra.

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu và cho HS chơi “Đi tìm kho báu”, HS theo dõi và trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

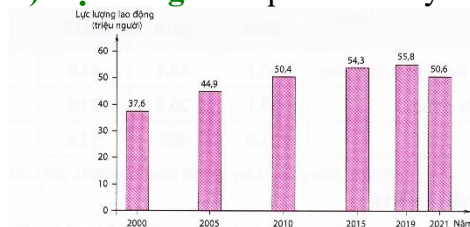
Mở đầu: Lao động và việc làm có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của cả xã hội. Lao động nước ta có đặc điểm gì? Việc sử dụng lao động hiện nay ra sao? Giải pháp nào để giải quyết việc làm cho người lao động ở nước ta?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm nguồn lao động và sử dụng lao động

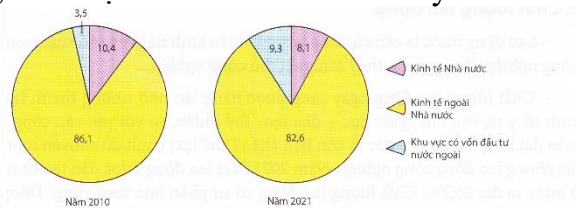
a) **Mục tiêu:** HS trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế ở nước ta. Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Hình 7.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của nước ta giai đoạn 2000 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, 2006, 2011, 2016, 2022)



Hình 7.2. Cơ cấu lao động có việc làm phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2021 (%)

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2022)

Bảng 7.1, CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Năm	2000	2010	2015	2021
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản		65,1	48,4	43,6	29,1
Công nghiệp và xây dựng		13,1	20,9	23,0	33,1
Dịch vụ		21,8	30,7	33,4	37,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, 2011, 2016, 2022)

- **Nhóm 1,3:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
Tìm hiểu đặc điểm nguồn lao động

Đặc điểm	Biểu hiện
Số lượng	
Chất lượng	
Phân bố	

- **Nhóm 2,4:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
Tìm hiểu sử dụng lao động

Nội dung	Biểu hiện
Theo ngành kinh tế	
Theo thành phần kinh tế	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. ĐẶC ĐIỂM NGUỒN LAO ĐỘNG		
Đặc điểm	Biểu hiện	
1. Số lượng	- Nguồn lao động dồi dào: 50,6 triệu người, chiếm 51,3% tổng số dân (năm 2021). - Nguồn lao động được bổ sung lớn: khoảng 1 triệu người/ năm.	
2. Chất lượng	- Thể mạnh: + Cần cù, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp,... + Năng động, dễ dàng tiếp thu khoa học - công nghệ hiện đại.	- Hạn chế: + Còn hạn chế về thể lực. + Trình độ chuyên môn kỹ thuật và tác phong lao động công nghiệp chưa cao. + Chất lượng lao động có sự phân hoá theo vùng.

	trong sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động và hội nhập với quốc tế. + Chất lượng ngày càng được nâng lên.	
3. Phân bố	- Không đều giữa các vùng: Đồng bằng sông Hồng có số lượng lao động lớn nhất cả nước (chiếm 22,5% cả nước - năm 2021).	

EM CÓ BIẾT?

Bộ Luật Lao động năm 2019 của Việt Nam quy định:

- Độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi.
- Tuổi nghỉ hưu đang được điều chỉnh tăng dần để đến năm 2028, lao động nam về hưu khi đủ 62 tuổi, lao động nữ từ năm 2035 về hưu khi đủ 60 tuổi.

II. SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Nội dung	Biểu hiện
1. Theo ngành kinh tế	Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch phù hợp: - Giảm tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Tăng tỉ lệ lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.
2. Theo thành phần kinh tế	Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế có sự thay đổi theo hướng: - Giảm tỉ lệ lao động khu vực kinh tế Nhà nước. - Tăng tỉ lệ lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
 - + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
 - + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vấn đề việc làm

a) Mục tiêu: HS phân tích được vấn đề việc làm và nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta. Phân tích được bảng số liệu về việc làm.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

Bảng 7.3. TỈ LỆ THẤT NGHIỆP VÀ THIẾU VIỆC LÀM CỦA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG ĐỘ TUỔI PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: %)

Năm		2010	2015	2021
Tỉ lệ thất nghiệp	Thành thị	4,29	3,37	4,33
	Nông thôn	2,35	1,82	2,50

Tỉ lệ thiếu việc làm	Thành thị	1,82	0,84	3,33
	Nông thôn	4,26	2,39	2,96

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

* **Câu hỏi:** Phân tích vấn đề việc làm và nêu các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. VẤN ĐỀ VIỆC LÀM VÀ HƯỚNG GIẢI QUYẾT

1. Vấn đề việc làm

- Hầu hết lao động nước ta có việc làm.
- Tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm khá thấp.
- Khu vực thành thị thường có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn khu vực nông thôn.
- Việc làm vẫn là vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay.
- Các việc làm giản đơn còn phổ biến.
- Việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế đem lại cho người lao động ở nước ta nhiều cơ hội việc làm, nâng cao tay nghề và chất lượng lao động.
- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ tạo ra những thay đổi mang tính đột phá về việc làm.

2. Hướng giải quyết việc làm

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động.
- Đẩy mạnh việc đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng lao động.
- Phát triển hệ thống tư vấn, thông tin về thị trường lao động, việc làm.
- Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ tích cực để người mất việc sớm trở lại làm việc.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

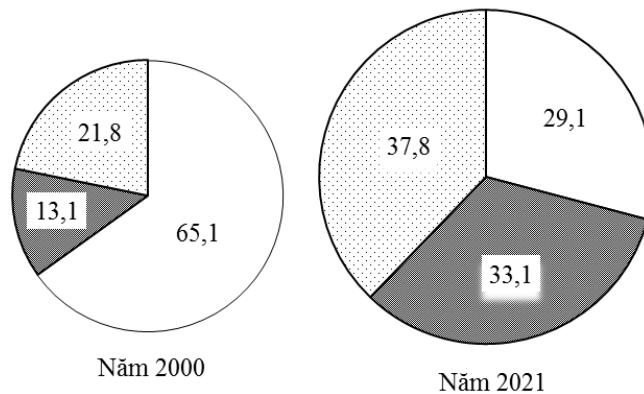
b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Dựa vào bảng 7.1, vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hằng năm phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2021. Nêu nhận xét.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

- Vẽ biểu đồ:



□ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
 ■ Công nghiệp và xây dựng
 □ Dịch vụ

CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2000 VÀ 2021 (Đơn vị: %)

- Nhận xét: Nhìn chung cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2021 đã có sự thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng trong ngành nông – lâm – thủy sản, tăng tỉ trọng trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, cụ thể:

+ Tỉ trọng lao động từ 15 tuổi trở lên giảm trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, giảm từ 65,1% năm 2000 xuống chỉ còn 29,1% năm 2021, giảm 36%.

+ Tỉ trọng lao động từ 15 tuổi trở lên tăng trong ngành công nghiệp và xây dựng, tăng từ 13,1% năm 2000 lên 33,1% năm 2021, tăng 20%.

+ Tỉ trọng lao động từ 15 tuổi trở lên tăng trong ngành dịch vụ, tăng từ 21,8% năm 2000 lên 37,8% năm 2021, tăng 16%.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về một số ngành nghề mới có nhiều cơ hội việc làm ở nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

1. Ngành Công nghệ thông tin:
2. Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe:
3. Ngành Marketing:
4. Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng:
-

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 8. ĐÔ THỊ HOÁ

Ngày soạn: 18/10/2025

TIẾT 16. BÀI 8. ĐÔ THỊ HOÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Đã bỏ ý: mạng lưới đô thị.

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.
- Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị hoá ở nước ta.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ dân cư để xác định được sự phân bố mạng lưới đô thị nước ta.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được đặc điểm quá trình đô thị hóa, mạng lưới đô thị và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.
 - > Biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê.
 - > Sử dụng mô hình, tranh ảnh...
 - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm quá trình đô thị hóa, mạng lưới đô thị và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm quá trình đô thị hóa, mạng lưới đô thị và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta.

3. Phẩm chất:

- **Yêu nước:** Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình phát triển đô thị hóa ở nước ta.
- **Nhân ái:** Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh, điều kiện sống của mỗi người, mỗi khu vực.
- **Chăm chỉ:** Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- **Trung thực** trong học tập.
- **Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

- a) Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.
- b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.
- c) Sản phẩm:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu và cho HS chơi “Con số may mắn”, HS theo dõi và trả lời câu hỏi.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Đô thị hoá là xu hướng phát triển tất yếu của thế giới. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của thế giới là 56%; trong các châu lục, thấp nhất là châu Phi (44%) và cao nhất là châu Mỹ (hơn 80%). Vậy, đô thị hóa ở Việt Nam đạt mức độ nào, có đặc điểm gì và ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nước ta.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm đô thị hóa

- a) Mục tiêu:** HS trình bày được đặc điểm đô thị hóa ở Việt Nam.
- b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

Bảng 8.1. SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA

GIAI ĐOẠN 1970 - 2021

Năm	1970	1980	1990	2000	2010	2021
Số dân thành thị (triệu người)	7,6	10,1	12,9	18,7	26,5	36,6
Tỉ lệ dân thành thị (%)	18,3	19,2	19,5	24,1	30,4	37,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 1991, 2001, 2011, 2022)

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm	Nội dung	Đặc điểm
1,2	Lịch sử đô thị hóa	

3,4	Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. ĐẶC ĐIỂM ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM	
Đặc điểm	Biểu hiện
Lịch sử đô thị hóa	- Thế kỉ III trước Công nguyên: ra đời đô thị đầu tiên (thành Cổ Loa). - Từ thời phong kiến đến năm 1975: đô thị hoá diễn ra chậm, số lượng đô thị, tỉ lệ dân thành thị thấp. - Từ 1986: đô thị hoá diễn ra nhanh hơn. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị tăng khá nhanh.
Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá	- Tỉ lệ dân thành thị của nước ta là 37,1%. - Nhiều đô thị được đầu tư quy hoạch đồng bộ về CSHT, xuất hiện nhiều đô thị hiện đại, đô thị thông minh. - Hình thành các thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo của cả nước: Hà Nội, TP HCM. - Tỉ lệ dân thành thị có sự khác biệt giữa các vùng.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Mục tiêu: HS phân tích được ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích ảnh hưởng tích cực và hạn chế của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA	
Ảnh hưởng	Biểu hiện
1. Tích cực	- Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu lao động. - Là động lực phát triển kinh tế của cả nước và các địa phương. - Tăng cường cơ sở hạ tầng kĩ thuật, xã hội. - Đô thị hoá nông thôn có tác động lớn tới kinh tế - xã hội: + Góp phần phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. + Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

	+ Lan toả và phổ biến rộng rãi lối sống thành thị vào nông thôn. + Thay đổi môi trường, cảnh quan theo hướng hiện đại.
2. Tiêu cực	- Đô thị hoá diễn ra tự phát, không theo quy hoạch: + Gây sức ép việc làm. + Quá tải về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật. + Gây sức ép về y tế, giáo dục. + Nảy sinh các vấn đề an ninh xã hội và ô nhiễm môi trường...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

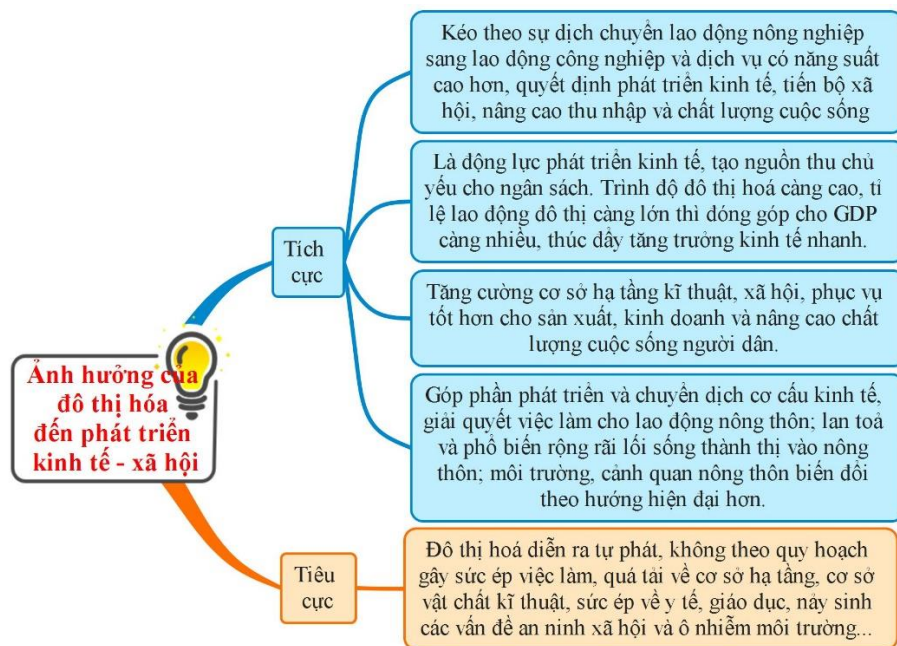
a) **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Vẽ sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**



d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Suy tầm thông tin và giới thiệu về một đô thị ở nước ta mà em quan tâm.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị lớn, một trung tâm kinh tế, một thành phố đa dạng tộc người và văn hóa, một đô thị sớm được quy hoạch hoàn chỉnh theo kiểu phương Tây. Thành phố Hồ Chí Minh hay Sài Gòn, là thành phố lớn nhất Việt Nam và là một siêu đô thị trong tương lai gần. Đây còn là trung tâm kinh tế, giải trí, một trong hai trung tâm văn hóa và giáo dục quan trọng tại Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương. Thành phố Hồ Chí Minh có chỉ số phát triển con người ở mức cao, đứng thứ hai trong số các đơn vị hành chính của Việt Nam. Tuy nhiên, thành phố Hồ Chí Minh gặp phải tình trạng quá tải dân số, tạo áp lực lớn lên nền kinh tế và đời sống người dân.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập GK1.

